

PHÁT TRIỂN TƯ DUY PHẢN BIỆN CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG TRƯỚC YÊU CẦU HỘI NHẬP VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Thái Thị Tú Anh^{1*}, Thái Đức Việt²

¹Khoa Khoa học xã hội và nhân văn, Trường Đại học Tôn Đức Thắng

²Trường Đại học Luật Hà Nội

Email*: thaithituanh@tdtu.edu.vn

Tóm tắt: Nghiên cứu phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kỹ năng tư duy phản biện (TDPB) nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo (ĐMST) của sinh viên Trường Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU) tại Thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM). Dữ liệu khảo sát được xử lý thông qua phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy tuyến tính bội. Kết quả cho thấy: (i) Nhận thức đầy đủ và thái độ chủ động trong học tập có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê đến sự phát triển kỹ năng TDPB; (ii) Kỹ năng thực hành TDPB được vận dụng trong quá trình học tập có ảnh hưởng rõ rệt đến năng lực TDPB tổng thể; (iii) Việc tích hợp TDPB trong cải tiến và phát triển ý tưởng góp phần nâng cao đồng thời kỹ năng TDPB và tư duy ĐMST. Kỹ năng TDPB của sinh viên được đánh giá bằng thang đo tham chiếu từ công cụ California Critical Thinking Skills Test (CCTST). Nghiên cứu khẳng định tầm quan trọng của việc phát triển năng lực TDPB kết hợp tư duy ĐMST như một ưu tiên trong chiến lược giáo dục đại học (GDDH) hiện đại.

Từ khóa: Giáo dục đại học, Phát triển kỹ năng, Tư duy phản biện, Tư duy đổi mới sáng tạo

DEVELOPING CRITICAL THINKING FOR STUDENTS OF TON DUC THANG UNIVERSITY IN THE FACE OF INTEGRATION AND INNOVATION

Thai Thi Tu Anh^{1*}, Thai Duc Viet²

¹Faculty of Social Sciences and Humanities, Ton Duc Thang University

²Hanoi Law University

Email*: thaithituanh@tdtu.edu.vn

Abstract: This study analyzes the factors affecting the development of critical thinking skills (CTS) to meet the requirements of innovation (I) of students at Ton Duc Thang University (TDTU) in Ho Chi Minh City (HCMC). Survey data were processed through exploratory factor analysis (EFA) and multiple linear regression analysis. The results show that: (i) Full awareness and proactive attitude in learning have a positive and statistically significant impact on the development of CTS skills; (ii) CTS practice skills applied in the learning process have a significant impact on overall CTS capacity; (iii) Integrating CTS in innovation and idea development contributes to simultaneously improving CTS skills and INNOVATION thinking. Students' CTS skills were assessed using a reference scale from the California Critical Thinking Skills Test (CCTST). The study confirms the importance of developing TDPB capacity combined with innovative thinking as a priority in modern higher education (HE) strategies.

Keywords: Higher education, Skills development, Critical thinking, Innovative thinking

Nhận bài: 15/03/2025

Phản biện: 14/04/2025

Duyệt đăng: 18/04/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

TP. HCM - trung tâm kinh tế hàng đầu cả nước ngày càng đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao với năng lực TDPB và tư duy ĐMST đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững (PTBV). Giáo dục vì sự PTBV (Education for Sustainable Development – ESD) được xác định là định hướng chiến lược trong đào tạo, nhấn mạnh vai trò của tư duy độc lập, phản biện và sáng tạo. Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence) và công nghệ số đã làm thay đổi nhanh chóng môi trường làm việc, đòi hỏi GDDH phải chuyển từ cách tiếp cận truyền thống sang phát triển tư duy bậc cao thông qua các phương pháp như học tập dựa trên vấn đề (Problem-Based Learning – PBL).

Trong bối cảnh đó, TDTU nổi bật với mô hình

đào tạo đa ngành, quy mô tuyển sinh rộng và định hướng phát triển thành đại học nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế. TDTU là trường đại học đa ngành, đang đào tạo với hơn 40 ngành đạt chuẩn, đáp ứng nhu cầu của xã hội (Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 2025). Sự đa dạng ngành học cùng định hướng giáo dục thực tiễn “lấy người học làm trung tâm” (learner-centered education), đã tạo nền tảng thuận lợi để phát triển năng lực TDPB và tư duy ĐMST cho SV.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm TDPB và tư duy ĐMST

TDPB là quá trình đặt và trả lời những câu hỏi quan trọng một cách có trách nhiệm (Browne, 2014); là quá trình tư duy tự điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng lập luận (Paul & Elder,

2014); tập trung vào tính thực tiễn của việc quyết định nên tin tưởng điều gì và hành động ra sao (Ennis, 1996); hoặc là một quá trình nhận thức có chủ đích, bao gồm cả kỹ năng và khuynh hướng tư duy (Facione, 1990).

Tư duy ĐMST được định nghĩa là khả năng tạo ra các ý tưởng mới, đột phá và giải quyết vấn đề hiệu quả trong bối cảnh thay đổi nhanh (Sternberg & Lubart, 1995). Đặc biệt, Việt Nam “xác định nội dung cốt lõi của chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư của nước ta là thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và ĐMST trên tất cả các ngành, lĩnh vực và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, trọng tâm là phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số.” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, 2019).

2.2. Công cụ đo lường kỹ năng TDPB

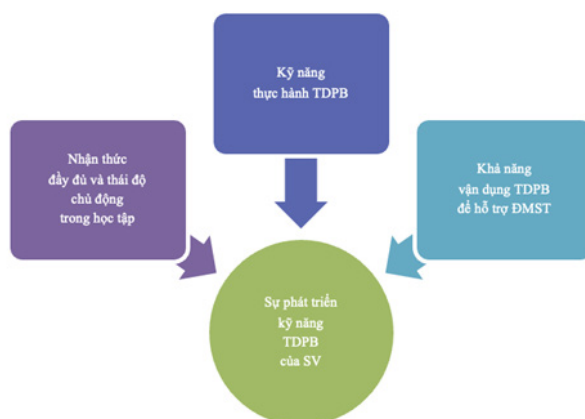
Để đo lường mức độ phát triển kỹ năng TDPB của SV, nhiều công cụ đánh giá đã được xây dựng và chuẩn hóa, nổi bật như: CCTST, Halpern Critical

Thinking Assessment (HCTA) và Cornell Critical Thinking Test (CCTT). Trong đó, CCTST là công cụ được sử dụng rộng rãi nhằm đánh giá các kỹ năng TDPB cốt lõi trong GDDH (Facione, 1991).

Việc tham khảo và vận dụng công cụ đo lường như CCTST trong xây dựng khung đánh giá và triển khai nghiên cứu thực nghiệm giúp đảm bảo tính khoa học, khách quan, đồng thời nâng cao độ tin cậy và tính chính xác trong việc đánh giá thực trạng cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kỹ năng TDPB của SV. Trong nghiên cứu này, tác giả lựa chọn công cụ CCTST làm cơ sở tham chiếu để xây dựng khung đo lường và triển khai KS nhằm đánh giá thực trạng và phân tích các yếu tố tác động đến sự phát triển kỹ năng TDPB của SV TDTU.

2.3. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Dựa trên tổng quan lý thuyết và các nghiên cứu trong nước, quốc tế về TDPB và tư duy ĐMST trong GDDH, mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kỹ năng TDPB của SV TDTU được đề xuất như sau:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

Trong đó, các giả thuyết nghiên cứu được xây dựng như sau:

H₁: Nhận thức đầy đủ và thái độ chủ động trong học tập tác động cùng chiều với sự phát triển kỹ năng TDPB của SV;

H₂: Kỹ năng thực hành TDPB được vận dụng trong quá trình học tập tác động cùng chiều với sự phát triển năng lực TDPB tổng thể của SV;

H₃: Khả năng vận dụng TDPB để hỗ trợ ĐMST thông qua cải tiến và phát triển ý tưởng tác động cùng chiều với sự phát triển kỹ năng TDPB và tư duy ĐMST của SV.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Áp dụng công cụ CCTST, tác giả đã xây dựng và đề xuất bốn nhóm yếu tố chính ảnh hưởng đến

kỹ năng TDPB của SV TDTU trong bối cảnh hội nhập và PTBV tại TP. HCM. Một nghiên cứu định tính được thực hiện, nhóm chuyên gia với 03 Tiến sĩ, 02 Thạc sĩ trong lĩnh vực giáo dục tại Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn (KHXX&NV) – TDTU nhằm mục đích kiểm định và điều chỉnh các yếu tố trong nghiên cứu dựa trên đề xuất của tác giả. Nghiên cứu định lượng sơ bộ được thực hiện sau đó thông qua KS 20 SV thuộc nhóm nghiên cứu khoa học SV của Khoa KHXX&NV – TDTU, nhằm xác định tính tương thích của các biến quan sát, đánh giá nội dung và hình thức của các phát biểu trong KS. Kết quả thu được là Hệ thống nhóm yếu tố và tiêu chí đánh giá ảnh hưởng đến TDPB của SV như mô tả tại Bảng 1.

KS gồm 21 biến quan sát theo thang đo Likert 5 mức (từ 1 – “Hoàn toàn không đồng ý” đến 5 – “Hoàn toàn đồng ý”) nhằm đo lường ba nhóm năng lực chính: Nhận thức về TDPB; Kỹ năng và thực hành TDPB, và Tư duy ĐMST liên quan đến TDPB.

Nghiên cứu định lượng chính thức thông qua bảng câu hỏi KS được thực hiện với các SV từ năm thứ 1 đến năm thứ 4 thuộc các ngành học của TDTU nhằm đảm bảo tính bao quát cho đối

tượng nghiên cứu, KS kèm theo một số câu hỏi mở được sử dụng nhằm khai thác ý kiến đóng góp của người tham gia. Dữ liệu thu thập thông qua bảng KS trực tuyến (Google Forms), mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0 để đánh giá thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha; phân tích nhân tố khám phá (EFA); phân tích hồi quy tuyến tính bội; phân tích nội dung đối với các câu hỏi mở.

Bảng 1. Hệ thống nhóm yếu tố và tiêu chí đánh giá ảnh hưởng đến TDPB của SV

Stt	Nhóm yếu tố	Tiêu chí đánh giá
1	Yếu tố cá nhân	Nhận thức về tầm quan trọng của TDPB
		Kỹ năng phân tích thông tin
		Khả năng lập luận logic
		Thái độ và thói quen TDPB
2	Yếu tố môi trường học tập	Phương pháp giảng dạy khuyến khích TDPB
		Cơ hội thực hành, thảo luận, phản biện
		Tài liệu học tập
		Chính sách và cách thức đánh giá năng lực tư duy
		Ứng dụng khoa học - công nghệ
3	Yếu tố xã hội và văn hóa	Văn hoá tranh luận và chia sẻ ý kiến
		Tác động của mạng xã hội đến khả năng tư duy
		Văn hoá học tập và hợp tác nhóm
4	Ứng dụng kỹ năng phản biện vào thực tiễn	Ứng dụng trong học tập
		Ứng dụng trong xử lý vấn đề thực tế
		Ứng dụng trong công việc tương lai

2.5. Kết quả nghiên cứu

2.5.1. Mô tả mẫu

Phương pháp chọn mẫu thuận tiện theo hình

thức trực tuyến (Google Forms) được gửi đến gần 300 SV thuộc đối tượng KS, 174 phiếu thu về hợp lệ được đưa vào phân tích.

Bảng 2. Thống kê đặc điểm KS (N = 174)

Biến	Phân nhóm	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nữ	114	65.5%
	Nam	57	32.8%
	Không muốn tiết lộ	3	1.7%
Năm học	Năm 1	143	82.2%
	Năm 2	15	8.6%
	Năm 3	7	4.0%
	Năm 4	8	4.6%
	Đã tốt nghiệp	1	0.6%
Ngành học	Tài chính – Ngân hàng	44	25.3%
	Khoa học xã hội và Nhân văn	37	21.3%
	Quản trị kinh doanh	30	17.2%
	Công nghệ thông tin	12	6.9%
	Điện – Điện tử	9	5.2%
	Khoa học ứng dụng	9	5.2%
	Toán – Thống kê	9	5.2%
	Môi trường & Bảo hộ lao động	6	3.4%
	Luật	4	2.3%
	Kỹ thuật công trình	3	1.7%
	Dược	3	1.7%
	Mỹ thuật công nghiệp	3	1.7%
	Kế toán	2	1.1%
	Ngoại ngữ	2	1.1%
	Khoa học thể thao	1	0.6%

174 SV tham gia KS, trong đó tỷ lệ nữ chiếm ưu thế (65.5%). Đa phần người tham gia là SV năm 1 (82.2%), phản ánh xu hướng tiếp cận KS cao từ nhóm SV mới nhập học, vốn thường có mức độ quan tâm và phản hồi cao đối với các chủ đề về năng lực học tập và phát triển cá nhân.

Về ngành học, kết quả cho thấy sự tập trung đáng kể ở ba khoa lớn: Tài chính - Ngân hàng (25.3%), KHXH&NV (21.3%), và Quản trị kinh doanh (17.2%). Đây là các ngành có quy mô đào tạo lớn và nội dung học thuật thiên về khoa học xã hội - hành vi, năng lực TDPB và ĐMST thường xuyên được đề cập. Ngoài ra, sự tham gia từ các khoa về kỹ thuật - công nghệ (như Công nghệ

thông tin, Điện - Điện tử, Khoa học ứng dụng, Toán - Thống kê) ở mức vừa phải (5-7%) cho thấy nghiên cứu đã tiếp cận được một phổ ngành học rộng, không chỉ giới hạn trong khối KHXH&NV. Tuy nhiên, vẫn có một số ngành học với số lượng phản hồi rất thấp (dưới 3%), chẳng hạn như Kế toán, Ngoại ngữ, và Khoa học thể thao. Điều này phản ánh sự phân bố chưa đồng đều về tỷ lệ tham gia giữa các ngành, có thể đến từ mức độ liên hệ của SV với chủ đề KS còn hạn chế. Tuy vậy, sự đa dạng về ngành học trong mẫu KS vẫn giúp đảm bảo mức độ bao phủ chấp nhận được, góp phần phản ánh nhiều chiều góc độ khác nhau trong nhận thức và trải nghiệm TDPB, ĐMST của SV.

Bảng 3. Thống kê mô tả các biến đo lường (N = 174)

Mã biến	Trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)	Giá trị nhỏ nhất (Min)	Giá trị lớn nhất (Max)
X1	4.26	0.68	2	5
X2	4.16	0.71	2	5
X3	4.05	0.76	1	5
X4	4.21	0.73	2	5
X5	4.19	0.72	2	5
X6	3.96	0.77	1	5
X7	4.08	0.75	1	5
X8	4.07	0.77	1	5
X9	4.15	0.75	2	5
X10	4.28	0.68	2	5
X11	4.18	0.73	1	5
X12	4.22	0.70	2	5
X13	4.12	0.76	1	5
X14	4.20	0.71	2	5
X15	4.16	0.74	1	5
X16	4.19	0.73	2	5
X17	4.14	0.74	1	5
X18	4.18	0.71	2	5
X19	4.14	0.76	1	5
X20	4.07	0.76	1	5
X21	4.26	0.72	1	5

2.5.2. Độ tin cậy của thang đo

Bảng 4. Hệ số Cronbach's Alpha

Nhóm thang đo	Số biến	Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến-tổng thấp nhất
Nhận thức về TDPB	5	0.812	0.538
Kỹ năng và thực hành TDPB	5	0.837	0.541
Tư duy ĐMST liên quan đến TDPB	11	0.889	0.591
Tổng hợp toàn bộ 21 biến	21	0.897	0.553

Kết quả hệ số Cronbach's Alpha vượt ngưỡng 0.8, phản ánh mức độ nhất quán nội tại tốt đến rất tốt. Cụ thể, nhóm thang đo về tư duy ĐMST liên quan đến TDPB đạt giá trị Cronbach's Alpha là 0.889, cho thấy mức độ đồng nhất cao giữa các biến đo lường.

Đồng thời, kiểm tra hệ số tương quan cho thấy tất cả các biến đều đạt yêu cầu (hệ số lớn hơn 0.3) và không có biến nào làm giảm giá trị Cronbach's Alpha nếu bị loại bỏ. Vì vậy, toàn bộ 21 biến quan sát được giữ lại để tiếp tục thực hiện phân tích nhân tố khám phá (EFA) ở bước tiếp theo.

2.5.3. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Phân tích EFA trên toàn bộ 21 biến đã trích được 3 nhân tố với Eigenvalue > 1, tổng phương sai trích đạt 65.32%, vượt ngưỡng tối thiểu 50% theo khuyến nghị của Hair et al (Hair et al., 2010). Ma trận xoay Varimax cho thấy các biến có hệ số tải nhân tố cao (> 0.5) và không xuất hiện tải chéo đáng kể.

Phân tích EFA khẳng định thang đo có cấu trúc ổn định, đạt được cả giá trị hội tụ (các biến trong cùng một nhân tố tải mạnh lên nhau) và giá trị phân biệt (các biến không tải chéo lên các nhân tố khác). Kết quả này tạo nền tảng vững chắc cho các bước phân tích tiếp theo, đặc biệt là mô hình hồi quy nhằm kiểm định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố TDPB đến năng lực ĐMST của SV.

2.5.4. Phân tích hồi quy tuyến tính bội

- Kết quả phân tích hồi quy cho thấy mô hình dự đoán có ý nghĩa thống kê, với kiểm định ANOVA đạt giá trị $F = 13.78$, $p < 0.001$. Điều này cho thấy các biến độc lập được đưa vào mô hình có khả năng giải thích sự biến thiên đáng kể của biến phụ thuộc.

- Chỉ số $R^2 = 0.54$ và R^2 hiệu chỉnh = 0.50 cho thấy mô hình có thể giải thích được khoảng 50% phương sai trong niềm tin của SV về mối liên hệ giữa TDPB và ĐMST - một mức độ giải thích khá mạnh trong nghiên cứu hành vi.

- Bên cạnh đó, tất cả các biến độc lập đều có $VIF < 10$, xác nhận không tồn tại hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình, đảm bảo tính ổn định và đáng tin cậy của các ước lượng hồi quy.

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính bội cho thấy một số biến độc lập có ảnh hưởng đáng kể đến kỹ năng TDPB của SV TDTU, trong đó có những biến đạt mức ý nghĩa thống kê cao và thể hiện tác động rõ rệt. Biến X10 ($\beta = 0.309$, Sig. = 0.001) có hệ số hồi quy cao nhất, cho thấy đây là yếu tố có ảnh hưởng mạnh và rõ rệt nhất đến sự

phát triển TDPB. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính bội đã xác nhận đầy đủ ba giả thuyết nghiên cứu được đề xuất.

Kết quả nghiên cứu phân tách rõ ràng ba chiều cạnh của kỹ năng TDPB, gồm: Nhận thức lý thuyết; Thực hành phản biện; Tích hợp phản biện với tư duy ĐMST. Cách tiếp cận này sẽ cung cấp cơ sở khoa học cho việc thiết kế các chương trình giáo dục định hướng phát triển năng lực tư duy bậc cao trong bối cảnh hội nhập và PTBV.

2.5.5. Phân tích nội dung câu trả lời mở của SV

Nghiên cứu còn tiến hành phân tích nội dung (content analysis) đối với các câu trả lời mở nhằm khai thác sâu hơn phản hồi từ SV. Phân tích nội dung giúp hệ thống hóa các chủ đề chính, làm rõ các mong đợi, nhu cầu và sáng kiến thực tiễn mà SV đề xuất, qua đó bổ sung cho các kết quả định lượng và cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng cho việc đề xuất các giải pháp giáo dục phù hợp. Kết quả phân tích đã xác định được một số nhóm chủ đề nổi bật, phản ánh quan điểm và mong muốn của SV về cải tiến phương pháp giảng dạy, môi trường học tập, nội dung chương trình đào tạo và phương pháp đánh giá trong GDĐH.

Kết quả phân tích nội dung cho thấy có bốn nhóm giải pháp nổi bật được SV đề xuất:

Thứ nhất, về phương pháp giảng dạy, SV kiến nghị tăng cường các hoạt động học tập chủ động như PBL, tranh biện học thuật và phân tích tình huống thực tiễn.

Thứ hai, về môi trường học tập, nhiều SV mong muốn xây dựng không gian học thuật cởi mở, khuyến khích trao đổi quan điểm, phản biện mang tính xây dựng và tiếp cận dễ dàng các nền tảng số hỗ trợ phản biện và sáng tạo.

Thứ ba, về chương trình đào tạo, ý kiến SV nhấn mạnh tầm quan trọng của việc lồng ghép các học phần phát triển TDPB và tư duy ĐMST vào chương trình chính khóa và ngoại khóa yêu cầu SV thực hành phản biện thường xuyên qua tình huống thực tiễn.

Thứ tư, về phương pháp đánh giá, SV đề xuất bổ sung bài kiểm tra đánh giá năng lực TDPB; khuyến khích SV phát triển ý tưởng, xử lý tình huống và cải tiến giải pháp, qua đó kích thích khả năng TDPB và ĐMST.

III. KẾT LUẬN

Thông qua nghiên cứu, tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng và xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 20.0 để xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kỹ

năng TDPB và năng lực tư duy ĐMST của SV TDTU trong bối cảnh hội nhập tại TP. HCM. Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) và hồi quy tuyến tính bội đã xác nhận cả ba giả thuyết nghiên cứu đề ra.

Về thực trạng, kỹ năng TDPB của SV hiện cho thấy mức độ nhận thức lý thuyết cao hơn so với khả năng vận dụng vào thực tiễn. Điều này mở ra dư địa phát triển đáng kể, nếu các chiến lược giáo dục tập trung nhiều hơn vào thực hành phân biện và giải quyết vấn đề sáng tạo.

Tổng thể, nghiên cứu khẳng định rằng việc phát triển kỹ năng TDPB, đặc biệt khi được tích hợp với năng lực ĐMST cần được xem là một năng lực trọng tâm trong chiến lược GDDH hiện đại. Việc đồng thời bồi dưỡng hai năng lực này sẽ góp phần xây dựng nguồn nhân lực có bản lĩnh, tư duy linh hoạt và khả năng sáng tạo vượt trội trong bối cảnh hội nhập quốc tế và PTBV.

Hạn chế của nghiên cứu

Mặc dù nghiên cứu đã đạt được các mục tiêu

đề ra và cung cấp những kết quả thực nghiệm có giá trị, vẫn tồn tại một số hạn chế cần lưu ý:

(1) *Giới hạn về phạm vi mẫu KS*: Nghiên cứu chỉ KS SV tại TDTU, chủ yếu tập trung vào nhóm SV năm nhất và thuộc một số ngành học nhất định. Điều này có thể làm hạn chế khả năng khái quát hóa kết quả cho toàn bộ cộng đồng SV đại học tại Việt Nam.

(2) *Giới hạn về mô hình nghiên cứu*: Mô hình nghiên cứu chủ yếu kiểm định mối quan hệ tuyến tính giữa các yếu tố mà chưa khai thác sâu những ảnh hưởng gián tiếp, tác động đa chiều hoặc kiểm định mô hình cấu trúc phức tạp hơn (ví dụ như Structural Equation Modeling - SEM).

(3) *Chưa đối chiếu với dữ liệu định tính chuyên sâu*: Dù đã khai thác các câu trả lời mở để phân tích nội dung, nghiên cứu chưa thực hiện phỏng vấn sâu (in-depth interview) hoặc thảo luận nhóm (focus group) nhằm hiểu rõ hơn bối cảnh và cơ chế hình thành kỹ năng TDPB cũng như ĐMST ở từng nhóm SV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2019, September 27). Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Bộ Chính Trị. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngphi-quyet-so-52-nqtw-ngay-2792019-cua-bo-chinh-tri-ve-mot-so-chu-truong-chinh-sach-chu-dong-tham-gia-cuoc-cach-mang-cong-5715>
2. Browne, M. N. K. S. M. (2014). Asking the Right Questions A Guide to Critical Thinking (11th ed.). Pearson.
3. Ennis, R. H. (1996). Critical Thinking. *Argumentation*, 10(2), 157–182. <https://doi.org/https://doi.org/10.1023/A:1007850227823>
4. Facione, P. (1989). Critical Thinking: A Statement of Expert Consensus for Purposes of Educational Assessment and Instruction. *Research Findings and Recommendations*, 315.
5. Facione, P. A. (1990). Critical Thinking: A Statement of Expert Consensus for Purposes of Educational Assessment and Instruction (The Delphi Report).
6. Facione, P. A. (1991). Using the California Critical Thinking Skills Test in Research, Evaluation, and Assessment.
7. Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., & Anderson, R. E. (2010). *Multivariate data analysis* (7th ed.). Pearson Prentice Hall. <https://www.drnishikantjha.com/papersCollection/Multivariate%20Data%20Analysis.pdf>
8. Nghị Quyết Số 57-NQ/TW về Phát Triển và Ứng Dụng Khoa Học, Công Nghệ, Đổi Mới Sáng Tạo và Chuyển Đổi Số Đến Năm 2045, Pub. L. No. 57-NQ/TW, Bộ Chính trị (2024). <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/Uploads/2025/1/7/2/NQ-57-TW-BCT.pdf>
9. Paul, R., & Elder, L. (2014). *Critical thinking: Tools for taking charge of your learning and your life* (2nd ed.). Pearson Education.
10. Sternberg, R. J., & Lubart, T. I. (1995). Defying the crowd: Cultivating creativity in a culture of conformity. Free Press. <https://archive.org/details/defyingcrowdcult00ster/page/n343/mode/2up>
11. ten Dam, G., & Volman, M. (2004). Critical thinking as a citizenship competence: Teaching strategies. *Learning and Instruction*, 14(4), 359–379. <https://doi.org/10.1016/j.learninstruc.2004.01.005>
12. Trường Đại học Tôn Đức Thắng. (2025). Phương thức tuyển sinh đại học năm 2025. Trường Đại Học Tôn Đức Thắng. <https://admission.tdtu.edu.vn/dai-hoc/tuyen-sinh/phuong-thuc-2025>